

HƯỚNG DẪN

Nghiệp vụ cho vay đối với người sau cai nghiện ma túy

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 06/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về Tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy.

Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người sau cai nghiện ma túy như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người sau cai nghiện ma túy, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy được vay vốn từ NHCSXH để tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng hoặc sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm theo Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg.

2. Đối tượng áp dụng

2.1 Đơn vị, cá nhân thuộc NHCSXH;

2.2 Khách hàng vay vốn là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng vay vốn quy định tại khoản 3 văn bản này;

2.3 Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Đối tượng vay vốn

3.1 Người sau cai nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, cai nghiện ma túy bắt buộc hoặc đã hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định (sau đây gọi chung là người sau cai nghiện ma túy).

3.2 Người sau cai nghiện ma túy được vay vốn từ NHCSXH để tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

3.3 Vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

a) Người lao động là người sau cai nghiện ma túy được vay vốn từ NHCSXH để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất kinh doanh) có sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy.

4. Nguyên tắc vay vốn

4.1 Khách hàng vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích quy định tại khoản 6 văn bản này.

4.2 Khách hàng vay vốn phải trả nợ gốc và lãi tiền vay đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận với NHCSXH.

5. Điều kiện vay vốn

5.1 Người sau cai nghiện ma túy đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có nhu cầu vay vốn để tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng hoặc sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm;

b) Có tên trong danh sách người sau cai nghiện ma túy có thời gian kể từ ngày ban hành Quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú đến thời điểm vay vốn không quá 10 năm, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, do Công an cấp xã lập và được Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã xác nhận theo Biểu mẫu kèm theo Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg;

c) Trường hợp người sau cai nghiện ma túy vay vốn để tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng phải thuộc trường hợp không còn dư nợ chương trình tín dụng khác có cùng mục đích đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, có giấy xác nhận của cơ sở đào tạo nghề nghiệp theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

5.2 Cơ sở sản xuất kinh doanh đáp ứng các điều kiện sau:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật;

b) Có sử dụng tối thiểu 10% tổng số lao động là người sau cai nghiện ma túy và có hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động. Trường hợp người sau cai nghiện ma túy là thành viên cùng hộ gia đình với chủ hộ kinh doanh hoặc là thành viên hộ kinh doanh thì không yêu cầu hợp đồng lao động.

Lao động là người sau cai nghiện ma túy tại cơ sở sản xuất kinh doanh phải có tên trong danh sách theo Biểu mẫu kèm theo Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg hoặc có Quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú với thời gian kể từ ngày ban hành Quyết định đến thời điểm cơ sở sản xuất kinh doanh đề nghị vay vốn không quá 10 năm;

c) Có phương án vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

6. Mục đích sử dụng vốn vay

6.1 Vay vốn để tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng

Vốn vay được sử dụng để trang trải chi phí cho việc học nghề, sinh hoạt

của người sau cai nghiện ma túy trong thời gian theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Chi phí này bao gồm học phí, sinh hoạt phí và chi phí học nghề khác.

6.2 Vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

Vốn vay được sử dụng để chi trả chi phí thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm mà pháp luật không cấm.

7. Phương thức cho vay

7.1 Đối với người sau cai nghiện ma túy

a) Thực hiện cho vay thông qua thành viên hộ gia đình hoặc người giám hộ của người sau cai nghiện ma túy (nếu có). Đại diện hộ gia đình hoặc người giám hộ của người sau cai nghiện ma túy là người đứng tên vay vốn và giao dịch với NHCSXH.

Trường hợp trong hộ gia đình người sau cai nghiện ma túy không còn thành viên khác từ đủ 18 tuổi trở lên hoặc những thành viên còn lại khác không còn sức lao động hoặc không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thì người sau cai nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên trực tiếp đứng tên vay vốn tại NHCSXH.

b) NHCSXH nơi cho vay thực hiện cho vay theo phương thức ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội.

7.2 Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh

NHCSXH nơi cho vay thực hiện phương thức cho vay trực tiếp.

8. Mức vốn cho vay

8.1 Vay vốn để tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng

Mức cho vay tối đa bằng mức cho vay quy định theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) sau khi loại trừ các khoản hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp (nếu có) theo xác nhận của cơ sở đào tạo (mức cho vay tối đa hiện tại áp dụng là 4 triệu đồng/tháng/người sau cai nghiện ma túy).

8.2 Vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

a) Người sau cai nghiện ma túy: Mức cho vay tối đa là 200 triệu đồng/người sau cai nghiện ma túy.

Trường hợp người sau cai nghiện ma túy (trực tiếp đứng tên vay vốn hoặc vay vốn thông qua hộ gia đình, người giám hộ) đang có dư nợ chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm hoặc các chương trình cho vay cá nhân khác có mục đích sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm tại NHCSXH thì tổng dư nợ của chương trình cho vay đối với người sau cai nghiện ma túy và các chương trình có mục đích sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm không vượt quá mức cho vay tối đa theo quy định tại điểm này.

b) Cơ sở sản xuất kinh doanh: Mức cho vay tối đa là 2 tỷ đồng/cơ sở sản xuất

kinh doanh và không quá 200 triệu đồng/người lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh.

9. Thời hạn cho vay

9.1 Vay vốn để tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng

a) Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày người vay bắt đầu nhận vốn vay cho đến ngày trả hết nợ (gốc và lãi). Thời hạn cho vay bao gồm thời hạn phát tiền vay và thời hạn trả nợ.

b) Thời hạn phát tiền vay là khoảng thời gian tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên cho đến ngày người sau cai nghiện ma túy kết thúc khoá học nghề, kể cả thời gian người sau cai nghiện ma túy được các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học nghề (nếu có).

c) Thời hạn trả nợ là khoảng thời gian tính từ ngày người vay trả món nợ đầu tiên khi kết thúc khóa học nghề đến ngày trả hết nợ (gốc và lãi).

Thời hạn trả nợ tối đa bằng 02 lần thời hạn phát tiền vay.

9.2 Vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

Thời hạn cho vay tối đa 120 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể do NHCSXH xem xét, quyết định trên cơ sở nguồn vốn, khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn để thỏa thuận với khách hàng vay vốn.

10. Lãi suất cho vay

10.1 Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định theo từng thời kỳ.

10.2 Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

11. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay vốn

11.1 Người sau cai nghiện ma túy vay vốn để tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng hoặc vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm không phải bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay vốn.

11.2 Cơ sở sản xuất kinh doanh vay vốn trên 200 triệu đồng phải bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay vốn theo quy định của pháp luật và NHCSXH về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay vốn.

12. Hồ sơ, quy trình cho vay đối với người sau cai nghiện ma túy

12.1 Hồ sơ vay vốn

a) Hồ sơ do khách hàng lập và cung cấp

- Bản gốc Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (Mẫu số 01/TD);
- Bản gốc/Bản chính Giấy xác nhận của cơ sở đào tạo nghề (Mẫu số 01/TDSV đính kèm văn bản số 8568/HD-NHCS ngày 30/12/2024 của Tổng Giám đốc NHCSXH) đối với trường hợp vay vốn để tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

- Trường hợp cho vay thông qua hộ gia đình: Bản gốc Giấy ủy quyền cho người đại diện hộ gia đình đứng tên vay vốn: Mẫu số 01/UQ (nếu có);

- Trường hợp người sau cai nghiện ma túy là người chưa thành niên thuộc đối tượng vay vốn thông qua người giám hộ: Giấy tờ chứng minh người giám hộ theo quy định của pháp luật (Trích lục đăng ký giám hộ hoặc Quyết định của Tòa án về việc chỉ định người giám hộ của người sau cai nghiện ma túy (01 bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu));

b) Hồ sơ do Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) lập

- Biên bản họp Tổ TK&VV (Mẫu số 10C/TD);

- Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (Mẫu số 03/TD).

c) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập

Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 04/TD).

d) Hồ sơ do NHCSXH, khách hàng vay vốn cùng lập: Sổ vay vốn.

12.2 Quy trình cho vay

a) Khách hàng vay vốn

Khách hàng vay vốn gửi hồ sơ quy định tại tiết a) điểm 12.1 khoản 12 văn bản này đến tổ TK&VV nơi đang cư trú hợp pháp.

Khi khách hàng lập Mẫu số 01/TD, lưu ý nếu người sau cai nghiện ma túy không phải là người đứng tên vay vốn, tại cột “Đối tượng”, khách hàng ghi rõ tên người sau cai nghiện ma túy, mối quan hệ giữa người sau cai nghiện ma túy với người đứng tên vay vốn và ghi mục đích sử dụng vốn vay của khách hàng.

b) Tại Tổ TK&VV

- Tổ TK&VV nhận hồ sơ của khách hàng, kiểm tra các yếu tố trên hồ sơ vay vốn và tiến hành họp tổ để bình xét cho vay. Trường hợp khách hàng chưa là tổ viên tổ TK&VV thì tổ TK&VV tổ chức họp kết nạp, bổ sung tổ viên mới vào tổ và bình xét cho vay.

- Căn cứ kết quả họp bình xét cho vay tại Tổ, Tổ TK&VV lập danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (Mẫu số 03/TD) kèm bộ hồ sơ vay vốn của khách hàng và Biên bản họp Tổ TK&VV (Mẫu số 10C/TD) trình UBND cấp xã xác nhận.

c) Tại UBND cấp xã

Căn cứ bộ hồ sơ vay vốn do Tổ TK&VV gửi đến, UBND cấp xã thực hiện xác nhận trên danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (Mẫu số 03/TD), sau đó gửi Tổ TK&VV để gửi NHCSXH nơi cho vay.

d) Tại NHCSXH nơi cho vay

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ hồ sơ vay vốn, cán bộ tín dụng được phân công thực hiện kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp,

hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn, trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát để trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt.

NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 04/TD) cho UBND cấp xã để thông báo cho khách hàng vay vốn đến trụ sở NHCSXH nơi cho vay hoặc Điểm giao dịch làm thủ tục nhận tiền vay theo quy định.

12.3 Giải ngân

Căn cứ bộ hồ sơ vay vốn đã được phê duyệt, NHCSXH nơi cho vay giải ngân một lần cho khách hàng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán theo đề nghị của khách hàng.

12.4 Kiểm tra, giám sát sau cho vay

Thực hiện kiểm tra, giám sát theo các quy định hiện hành về quy trình, phương pháp kiểm tra, giám sát hoạt động ủy thác cho vay. Kết quả kiểm tra ghi nhận vào Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (Mẫu số 06/TD hoặc 06A/TD).

Đối với trường hợp khách hàng vay vốn để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, người đứng tên vay vốn có trách nhiệm lưu giữ và cung cấp tài liệu/hóa đơn/chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay trên phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (Mẫu số 06/TD hoặc 06A/TD).

12.5 Định kỳ hạn trả nợ gốc, trả lãi; thu nợ, thu lãi

a) Định kỳ hạn trả nợ gốc, trả lãi

- Định kỳ hạn trả nợ gốc:

+ Đối với vay vốn để tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng: Thực hiện định kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 12 tháng/kỳ, trong đó kỳ trả nợ gốc đầu tiên thực hiện ngay khi người sau cai nghiện ma túy kết thúc khóa học nghề.

+ Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm:

Thực hiện định kỳ hạn trả nợ theo quy định hiện hành của NHCSXH đối với các chương trình cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh, tạo việc làm.

- Định kỳ trả lãi: Định kỳ trả lãi hằng tháng, bắt đầu từ tháng liền kề sau tháng nhận tiền giải ngân.

b) Thu nợ, thu lãi

- NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu nợ, thu lãi theo quy định hiện hành.

- Khách hàng vay vốn có thể trả nợ trước hạn.

12.6 Xử lý nợ đến hạn, chuyển nợ quá hạn

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ

Việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

b) Chuyển nợ quá hạn

- NHCSXH thực hiện chuyển nợ quá hạn đối với các trường hợp sau:

+ Khách hàng chưa trả được nợ gốc đúng hạn theo kỳ hạn đã thỏa thuận (bao gồm cả nợ của các kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh) và không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển số dư nợ đó sang nợ quá hạn.

+ Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng được ghi trong Sổ vay vốn, nếu khách hàng không trả được nợ và không được NHCSXH cho gia hạn nợ thì toàn bộ số dư nợ còn lại của khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn.

+ Khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích và được bên kiểm tra ghi nhận vào Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (Mẫu số 06/TD hoặc Mẫu số 06A/TD), trong thời gian tối đa 30 ngày (kể từ ngày ghi nhận trong Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay) NHCSXH nơi cho vay đơn đốc thu hồi số tiền vay sai mục đích, nếu khách hàng vay vốn không trả hết số tiền vay sử dụng sai mục đích như đã ghi nhận thì NHCSXH chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang nợ quá hạn.

- Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo chuyển nợ quá hạn cho Tổ TK&VV (Mẫu số 14/TD) để thông báo đến khách hàng, đồng thời phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền, chính quyền địa phương tìm biện pháp thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

13. Hồ sơ, quy trình cho vay đối với cơ sở sản xuất kinh doanh

13.1 Hồ sơ vay vốn

a) Hồ sơ do cơ sở sản xuất kinh doanh lập và cung cấp

- Bản gốc Phương án sử dụng vốn vay (Mẫu số 01/SCN) đính kèm văn bản này;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu các giấy tờ phù hợp với từng loại hình hoạt động như sau:

+ Đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đối với Hợp tác xã là Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; đối với Liên hiệp Hợp tác xã là Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã; đối với Tổ hợp tác là Giấy chứng nhận đăng ký Tổ hợp tác; đối với Hộ kinh doanh là Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

+ Giấy phép kinh doanh có điều kiện hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện;

+ Căn cước/căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của cơ sở sản xuất, kinh doanh;

- Bản gốc/Bản chính/Bản sao có công chứng hoặc chứng thực: Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp nhỏ và vừa/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã về việc thực hiện giao dịch liên quan đến vay vốn tại NHCSXH (nếu có). Đối với tổ hợp tác và hộ kinh doanh có từ hai thành viên trở lên: văn bản ủy

quyền do các thành viên ủy quyền cho một thành viên là người đại diện tổ hợp tác, hộ kinh doanh thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn tại NHCSXH.

- Bản sao có chứng thực: Điều lệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa/Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã (nếu có).

- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh là Doanh nghiệp nhỏ và vừa/Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã: Bản gốc/Bản chính Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật trong 02 năm liền kề và báo cáo nhanh về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay vốn. Nếu Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã có thời gian hoạt động dưới 02 năm thì gửi báo cáo tài chính năm đã hoạt động (nếu có) và báo cáo nhanh về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay.

- Bản gốc/Bản chính Danh sách người lao động tại cơ sở sản xuất, kinh doanh (Mẫu số 09/SCN);

- Bản sao có chứng thực/Bản sao kèm bản chính Hợp đồng lao động của người sau cai nghiện ma túy đang làm việc tại cơ sở sản xuất kinh doanh để đối chiếu (nếu có);

- Các giấy tờ chứng minh về tài sản bảo đảm tiền vay trong trường hợp phải thực hiện bảo đảm nghĩa vụ vay vốn theo quy định.

b) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập

- Phiếu tiếp nhận hồ sơ vay vốn (Mẫu số 02/SCN);

- Báo cáo thẩm định (Mẫu số 03/SCN);

- Thông báo phê duyệt cho vay (Mẫu số 04a/SCN) hoặc thông báo từ chối cho vay (Mẫu số 04b/SCN).

c) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay và cơ sở sản xuất kinh doanh cùng lập: Hợp đồng tín dụng (Mẫu số 05/SCN).

d) Hồ sơ bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của NHCSXH (nếu có).

13.2 Quy trình cho vay

a) Cơ sở sản xuất kinh doanh gửi hồ sơ quy định tại tiết a) điểm 13.1 khoản 13 văn bản này tới NHCSXH nơi cho vay. Trong vòng 3 ngày làm việc (đối với khoản vay đến 200 triệu đồng), 10 ngày làm việc (đối với khoản vay trên 200 triệu đồng) kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ bộ hồ sơ vay vốn của cơ sở sản xuất kinh doanh, cán bộ được phân công tiếp nhận hồ sơ thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lý, hợp lệ của hồ sơ vay vốn:

+ Đối với các loại giấy tờ quy định tại tiết a) điểm 13.1 khoản 13 văn bản này và các giấy tờ khác của cơ sở sản xuất kinh doanh (nếu có), NHCSXH nơi cho vay yêu cầu cơ sở sản xuất kinh doanh cung cấp bản chính để đối chiếu. Cán bộ tín dụng kiểm tra, đối chiếu, ký xác nhận trên bản sao. Trường hợp cơ sở sản

xuất kinh doanh cung cấp bản sao có chứng thực/bản sao từ sổ gốc/bản sao công chứng thì không cần kiểm tra đối chiếu với bản chính.

+ Đối chiếu tên người lao động, hợp đồng lao động của người sau cai nghiện ma túy đang làm việc tại cơ sở sản xuất kinh doanh với Danh sách Người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ hoặc Quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy.

Trường hợp Người sau cai nghiện ma túy thuộc đối tượng có người giám hộ thì Hợp đồng lao động phải được ký kết bằng văn bản với cả người sau cai nghiện ma túy và người giám hộ và các giấy tờ khác có liên quan chứng minh đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đối với trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng người sau cai nghiện ma túy chưa thành niên.

- Thẩm định phương án vay vốn, trình phê duyệt cho vay: Trường hợp hồ sơ vay vốn đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, cán bộ thẩm định phương án vay vốn và lập Báo cáo thẩm định (Mẫu số 03/SCN) trình Trưởng phòng Kế hoạch nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét phê duyệt hồ sơ.

- Cán bộ tín dụng căn cứ kết quả phê duyệt cho vay, lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay gửi cơ sở sản xuất kinh doanh:

+ Trường hợp NHCSXH nơi cho vay không phê duyệt cho vay, cán bộ tín dụng gửi Thông báo từ chối cho vay (Mẫu số 04b/SCN) đến cơ sở sản xuất kinh doanh đồng thời trả lại hồ sơ cho khách hàng.

+ Trường hợp NHCSXH nơi cho vay phê duyệt hồ sơ cho vay, cán bộ tín dụng gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 04a/SCN) đến khách hàng và hướng dẫn khách hàng thực hiện các bước tiếp theo.

b) Cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện mở tài khoản thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay theo quy định hiện hành, đồng thời cùng NHCSXH nơi cho vay lập và ký kết hợp đồng tín dụng (Mẫu số 05/SCN).

c) Trường hợp khách hàng phải thực hiện bảo đảm tiền vay, NHCSXH nơi cho vay và bên thế chấp thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và NHCSXH về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay vốn.

d) Sau khi hoàn thiện hồ sơ vay vốn theo các bước trên, cán bộ tín dụng được phân công bàn giao toàn bộ hồ sơ cho bộ phận kế toán để thực hiện giải ngân cho khách hàng.

13.3 Giải ngân

Căn cứ Hợp đồng tín dụng đã ký kết, NHCSXH nơi cho vay giải ngân cho cơ sở sản xuất kinh doanh bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của cơ sở sản xuất kinh doanh theo quy định.

13.4 Định kỳ hạn trả nợ gốc, trả lãi, thu nợ gốc, thu lãi

a) Định kỳ hạn trả nợ gốc

Thực hiện định kỳ hạn trả nợ theo quy định hiện hành của NHCSXH đối với các chương trình cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh, tạo việc làm.

b) Định kỳ trả lãi

Định kỳ trả lãi theo tháng. Nếu khách hàng vay vốn chưa trả hết nợ lãi của kỳ này thì số nợ lãi chưa trả được chuyển sang kỳ trả lãi tiếp theo.

c) Thu nợ gốc, thu lãi

- NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại NHCSXH để thu nợ gốc, thu lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Khách hàng vay vốn có thể trả nợ gốc trước hạn.

- Nếu khách hàng có nhu cầu trả nợ gốc trước hạn:

+ Trường hợp khách hàng nộp tiền vào tài khoản thanh toán, nội dung nộp tiền ghi rõ: “Nộp tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay trước hạn cho Hợp đồng tín dụng số ...” trên Giấy nộp tiền và thông tin cho NHCSXH nơi cho vay để thực hiện thu nợ.

+ Trường hợp khách hàng chuyển khoản vào tài khoản thanh toán, nội dung chuyển khoản ghi rõ: “Nộp tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay trước hạn cho Hợp đồng tín dụng số ...” và thông tin cho NHCSXH nơi cho vay để làm cơ sở thực hiện thu nợ.

- Thứ tự thu nợ gốc, thu lãi của khoản vay thực hiện theo quy định của NHCSXH.

13.5 Kiểm tra, giám sát

Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày giải ngân, NHCSXH nơi cho vay tổ chức thực hiện kiểm tra trực tiếp đến khách hàng. Kết quả kiểm tra được ghi vào Biên bản kiểm tra (Mẫu số 06/SCN).

Đối với trường hợp khách hàng vay vốn để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh, cơ sở sản xuất kinh doanh có trách nhiệm lưu giữ và cung cấp tài liệu/hóa đơn/chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay, cán bộ kiểm tra ghi nhận tài liệu/hóa đơn/chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay của khách hàng trên Mẫu số 06/SCN.

NHCSXH có trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, mục đích sử dụng vốn vay và trả nợ của cơ sở sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

13.6 Xử lý nợ đến hạn, chuyển nợ quá hạn

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc

Việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc được NHCSXH áp dụng đối với khoản vay có thời hạn trên 12 tháng.

Khi cơ sở sản xuất kinh doanh chưa trả nợ gốc đúng kỳ hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, trước 05 ngày đến hạn trả nợ, cơ sở sản xuất kinh doanh lập và gửi Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (Mẫu số 08/SCN) gửi NHCSXH nơi cho vay. NHCSXH nơi cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ sang kỳ trả

nợ tiếp theo. Việc điều chỉnh thời hạn cho 01 kỳ hạn trả nợ có thể được thực hiện một hoặc nhiều lần, nhưng thời hạn điều chỉnh tối đa không vượt quá thời hạn của 01 kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

b) Gia hạn nợ

Việc gia hạn nợ được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

c) Chuyển nợ quá hạn

- NHCSXH thực hiện chuyển nợ quá hạn trong những trường hợp sau:

+ Khách hàng chưa trả được nợ gốc đúng hạn theo kỳ hạn đã thỏa thuận (bao gồm cả nợ của các kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh) và không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển số dư nợ đó sang nợ quá hạn.

+ Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng trong Hợp đồng tín dụng mà khách hàng vay vốn chưa trả được nợ, không được NHCSXH nơi cho vay cho gia hạn nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ chưa trả được sang nợ quá hạn.

+ Khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích theo ghi nhận tại Biên bản kiểm tra (Mẫu số 06/SCN), NHCSXH nơi cho vay đơn đốc thu hồi số nợ sai mục đích trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập Mẫu số 06/SCN. Nếu khách hàng chưa trả hết số nợ sử dụng sai mục đích trong khoảng thời gian trên thì NHCSXH nơi cho vay chuyển số nợ sai mục đích còn lại chưa trả được sang nợ quá hạn.

- Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo chuyển nợ quá hạn cho cơ sở sản xuất kinh doanh theo Mẫu số 10/SCN đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và cơ quan có thẩm quyền để tìm biện pháp thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

14. Xử lý nợ bị rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

15. Hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn

Công tác hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn được thực hiện theo quy định của NHCSXH.

16. Chế độ báo cáo thống kê

Chế độ báo cáo thống kê được thực hiện theo các quy định của NHCSXH.

17. Tổ chức thực hiện

Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và Phòng giao dịch NHCSXH có trách nhiệm:

17.1. Báo cáo UBND, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp triển khai thực hiện Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg, các nội dung hướng dẫn tại văn bản này và các văn bản khác có liên quan.

17.2. Thực hiện đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và văn bản hướng dẫn này về chương trình cho vay đối người sau cai nghiện ma túy và cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ, quán triệt đến toàn thể cán bộ trong đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện có hiệu quả Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg và văn bản hướng dẫn này.

17.3. Chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan tuyên truyền, phổ biến chính sách cho vay đối với người sau cai nghiện ma túy và cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg đến các cấp, các ngành và người dân biết để thực hiện và giám sát.

18. Hiệu lực thi hành

18.1. Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/5/2026.

18.2. Trường hợp sau ngày ban hành văn bản này có sự thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến việc áp dụng văn bản này trái với quy định của pháp luật hiện hành thì NHCSXH nơi cho vay thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

18.3. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung văn bản này do Tổng Giám đốc NHCSXH quyết định. Yêu cầu Giám đốc Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan trong hệ thống NHCSXH tổ chức triển khai thực hiện.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Hội sở chính NHCSXH xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Ngân hàng Nhà nước;
- Hội LHPN, HCCB, HND, ĐTN (để phối hợp);
- Các thành viên HĐQT NHCSXH;
- Các thành viên CGTV HĐQT NHCSXH;
- Trưởng BDD HĐQT NHCSXH các cấp;
- TGD, TBKS NHCSXH;
- Các PTGD, KTT;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
- Sở Giao dịch, Trung tâm Đào tạo, Trung tâm CNTT;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, TP;
- Phòng giao dịch NHCSXH;
- Website NHCSXH;
- Lưu: VT, TDSV.

(để báo cáo);

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Vương Văn Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN VAY VỐN
(Của cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động
là người sau cai nghiện ma túy)

Kính gửi: Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ⁽¹⁾

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH (Doanh nghiệp/Hợp
tác xã/Liên hiệp Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh)

1. Tên Cơ sở sản xuất kinh doanh:

.....
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

.....
.....

3. Điện thoại: Fax:

Email:

4. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Liên hiệp Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh số: Cơ quan cấp:.....

Đăng ký lần đầu ngàytháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:.....ngày.....tháng.....năm.....

Mã số thuế:

5. Họ và tên người đại diện: Chức vụ:

Căn cước/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:..... Nơi cấp:Có thời hạn đến:.....

Nơi cư trú:.....

Quyết định bổ nhiệm số: Ngày: Do:quyết định

Hoặc giấy ủy quyền số: Ngày: Do: ủy quyền

6. Giấy phép kinh doanh có điều kiện/Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (nếu có):..... Có thời hạn đến:.....

¹ Tên chi nhánh/phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.



7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: đồng.

II. THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN

1. Tên Phương án vay vốn:.....

2. Địa điểm thực hiện phương án vay vốn:.....

3. Nội dung phương án vay vốn:

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo:

+ Chi phí dự kiến mở rộng, cải tạo:

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):

- Thời gian bắt đầu thực hiện phương án: Tháng.....năm.....

4. Sử dụng lao động:

Tổng số lao động:.....người, trong đó:

Số người lao động là người sau cai nghiện ma túy:.....người, chiếm tỷ lệ:....% tổng số lao động.

5. Tổng số vốn thực hiện phương án vay vốn:

Tổng số vốn:..... đồng (Bằng chữ:đồng). Trong đó:

- Vốn tự có:..... đồng;

- Vốn vay từ NHCSXH:..... đồng.

III. ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

1. Đề nghị Ngân hàng chính sách xã hội cho vay vốn

Số tiền vay bằng số:đồng.

(Bằng chữ:).

2. Vốn vay được sử dụng như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn vay	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1			
2			
...			

3. Thời hạn đề nghị vay vốn: tháng.

4. Dự kiến nguồn tiền trả nợ ngân hàng:

- Từ khấu hao tài sản: đồng;
- Lợi nhuận và các nguồn khác: đồng;
- Kỳ hạn trả nợ: tháng/lần; Số tiền trả nợ mỗi kỳ: đồng, số tiền trả nợ kỳ cuối: đồng.
- Trả lãi hàng tháng theo dư nợ thực tế.

5. Tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay vốn (nếu có)

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị ước tính (đồng)	Giấy tờ về tài sản
1				
2				
...				

IV. CAM KẾT CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Thường xuyên sử dụng tối thiểu 10% tổng số lao động là người sau cai nghiện ma túy kể từ khi lập phương án vay vốn này. Nếu không thực hiện đúng cam kết, cơ sở sản xuất kinh doanh có trách nhiệm hoàn trả nợ cho Ngân hàng (nếu đã được nhận tiền giải ngân) hoặc không được tiếp cận nguồn vốn vay này.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, trung thực của các thông tin kê khai và các giấy tờ, hồ sơ lập và cung cấp.

3. Sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội đầy đủ, đúng hạn.

4. Tuân thủ các quy định về vay vốn, chịu sự kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

5. Cam kết lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay theo tiến độ thực hiện phương án, cung cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay và cơ quan chức năng khi được yêu cầu.

6. Dùng các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình để trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ VAY VỐN

Vào hồigiờ.....phút, ngày tháng năm, Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội đã tiếp nhận hồ sơ vay vốn của Cơ sở sản xuất kinh doanh (khách hàng vay vốn) sau:

Tên cơ sở sản xuất kinh doanh:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại:.....Email:.....

Tên người đại diện (nếu có):.....

Số điện thoại:.....Email:.....

Hồ sơ vay vốn gồm:

STT	Tên giấy tờ ¹	Tình trạng
1	Phương án vay vốn (Mẫu số 01/SCN)	<input type="checkbox"/> Bản gốc
2	Giấy chứng nhận (GCN) đăng ký doanh nghiệp/GCN đăng ký HTX/GCN đăng ký liên hiệp HTX/GCN đăng ký Tổ hợp tác/GCN đăng ký hộ kinh doanh	<input type="checkbox"/> Bản sao có chứng thực <input type="checkbox"/> Bản sao từ sổ gốc <input type="checkbox"/> Bản sao đã đối chiếu bản chính
3	Giấy phép kinh doanh có điều kiện/giấy chứng nhận kinh doanh (nếu có)	<input type="checkbox"/> Bản sao có chứng thực <input type="checkbox"/> Bản sao từ sổ gốc <input type="checkbox"/> Bản sao đã đối chiếu bản chính
4	Căn cước/căn cước công dân của người đại diện CS SXKD	<input type="checkbox"/> Bản sao có chứng thực <input type="checkbox"/> Bản sao đã đối chiếu bản chính
5	Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền/Văn bản ủy quyền	<input type="checkbox"/> Bản gốc <input type="checkbox"/> Bản chính <input type="checkbox"/> Bản sao công chứng hoặc chứng thực

¹ Cán bộ tiếp nhận hồ sơ thực hiện đối chiếu bản chính/bản gốc với bản sao của hồ sơ, sau đó ghi "Đã đối chiếu với bản chính/bản gốc" và ký, ghi rõ họ tên lên bản sao đã đối chiếu. Phiếu tiếp nhận hồ sơ vay vốn được lập trực tiếp khi nhận được hồ sơ của khách hàng. Cán bộ được phân công kiểm tra tình trạng hồ sơ và phản ánh các hồ sơ thực nhận vào Phiếu, bổ sung, xóa bỏ các nội dung không liên quan.

6	Điều lệ của Doanh nghiệp nhỏ và vừa/HTX/LH HTX.	<input type="checkbox"/> <i>Bản sao có chứng thực</i>
7	Báo cáo tài chính (Doanh nghiệp nhỏ và vừa/HTX/LH HTX)	<input type="checkbox"/> <i>Bản gốc</i> <input type="checkbox"/> <i>Bản chính</i>
8	Báo cáo nhanh tình hình tài chính (Doanh nghiệp nhỏ và vừa/HTX/LH HTX)	<input type="checkbox"/> <i>Bản gốc</i> <input type="checkbox"/> <i>Bản chính</i>
9	Danh sách người lao động (Mẫu số 09/SCN)	<input type="checkbox"/> <i>Bản gốc</i> <input type="checkbox"/> <i>Bản chính</i>
10	Hợp đồng lao động đối với lao động là người sau cai nghiện ma túy	<input type="checkbox"/> <i>Bản sao có chứng thực</i> <input type="checkbox"/> <i>Bản sao đã đối chiếu bản chính</i>
11	Các giấy tờ chứng minh TSBĐ (nếu có)

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay/Thông báo từ chối cho vay trực tiếp đến Quý khách chậm nhất ngày/...../..... về địa chỉ của Quý khách.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ TIẾP NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

1. Tên Cơ sở sản xuất kinh doanh (Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Liên hiệp Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh):.....
2. Họ và tên người đại diện vay vốn:..... Chức vụ:.....
3. Căn cước/Căn cước công dân số:.....
Ngày cấp:...../...../.....nơi cấp:..... Có thời hạn đến:.....
4. Nơi đăng ký cư trú:.....
5. Điện thoại liên hệ:.....
6. Tên Phương án vay vốn của khách hàng:.....
.....
7. Nơi thực hiện phương án vay vốn:.....

A. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Tên Cơ sở sản xuất kinh doanh:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại: Fax:
Email:
4. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Liên hiệp Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh số: Cơ quan cấp:
Đăng ký lần đầu ngàythángnăm.....
Đăng ký thay đổi lần thứ:.....ngày.....tháng.....năm.....
Mã số thuế:.....
5. Họ và tên người đại diện: Chức vụ:
Quyết định bổ nhiệm số: Ngày: Do: quyết định
Hoặc giấy ủy quyền số: Ngày: Do: ủy quyền
6. Giấy phép kinh doanh có điều kiện/Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh



doanh (nếu có):..... Có thời hạn đến:.....

7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: đồng.

II. PHÂN TÍCH ĐỊNH TÍNH

1. Điều tra thực địa (biên tên và biên hiệu; địa chỉ và tình trạng trụ sở, văn phòng, cửa hàng, nhà máy; tình trạng máy móc thiết bị, hàng tồn kho...)

.....

.....

2. Lịch sử hình thành, phát triển (ngày thành lập, thời gian hoạt động tại địa điểm thực hiện phương án sử dụng vốn vay, lý do khởi nghiệp kinh doanh, quá trình thay đổi ngành nghề hoặc ngừng hoạt động kinh doanh...):

.....

.....

3. Năng lực của người điều hành (tính chân thật, độ tin cậy, tình trạng sức khỏe, sự ủng hộ của gia đình, trình độ...)

.....

.....

4. Mặt hàng và dịch vụ kinh doanh (chi tiết về sản phẩm, dịch vụ, điểm khác biệt so với các cơ sở sản xuất, kinh doanh khác, sức cạnh tranh, nhu cầu của thị trường, hướng tới đối tác giao dịch nào...)

.....

.....

5. Đối tác giao dịch chủ yếu

a) Đối tác mua hàng (nhà cung ứng) chủ yếu

Đối tác mua hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

b) Đối tác bán hàng (người tiêu thụ) chủ yếu

Đối tác bán hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

III. PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG

1. Bảng tính toán lỗ, lãi

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm...	Giá trị trên tài liệu xác nhận	Năm...	Giá trị trên tài liệu xác nhận
1	Tổng doanh thu				
2	Tổng chi phí				
3	Thuế TNDN				
4	Lợi nhuận				

Nhận xét, đánh giá:

.....

2. Bảng đối chiếu tài sản có và tài sản nợ (nếu có)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Năm...	Giá trị trên tài liệu xác nhận	Năm...	Giá trị trên tài liệu xác nhận
1	Tiền mặt - tiền gửi				
2	Tiền bán chịu				
3	Tồn kho (vật tư, thành phẩm, sản phẩm dở dang)				
4	Tài sản cố định				
5	Các tài sản khác				
6	Tổng tài sản có (1+2+3+4+5)				
7	Tiền mua chịu				
8	Tiền vay				
9	Các nợ khác				
10	Tổng công nợ (7+8+9)				

11	Nguồn vốn chủ sở hữu (6-10)				
12	Tổng tài sản Nợ (10+11)				

Nhận xét, đánh giá :

.....

3. Tình hình sử dụng lao động:

- Tổng số lao động hiện có tại cơ sở sản xuất kinh doanh:người, trong đó số lao động là người sau cai nghiện ma túy:..... người, chiếm tỷ lệ:% tổng số lao động.

IV. ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Nội dung phương án vay vốn

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo:

+ Chi phí mở rộng, cải tạo:

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):

2. Phương án sử dụng lao động

Tổng số lao động:.....người, trong đó:

- Số người lao động là người sau cai nghiện ma túy:.....người.

Nhận xét, đánh giá:

.....

.....

3. Hiệu quả phương án và Dự kiến thu - chi tiền mặt sau khi vay vốn

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Cán bộ thẩm định tính toán	Theo dự án vay vốn của khách hàng	Chênh lệch
1	Tổng doanh thu dự kiến			
2	Tổng chi phí dự kiến			

3	Thuế TNDN dự kiến			
4	Lợi nhuận dự kiến			

(Số liệu trên là số liệu ước tính bình quân 1 năm trong thời gian thực hiện phương án vay vốn).

Nhận xét, đánh giá:

.....

4. Tổng số vốn thực hiện phương án vay vốn:.....đồng, trong đó:

- Vốn tự có:..... đồng;

- Vốn đề nghị vay Ngân hàng:đồng, để dùng vào việc:.....

5. Thời điểm bắt đầu thực hiện phương án vay vốn: Tháng.....năm.....

6. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng:

- Khấu hao tài sản từ vốn vay:.....đồng;

- Khấu hao tài sản từ nguồn vốn tự có:.....đồng;

- Lợi nhuận từ phương án và các nguồn khác:.....đồng;

- Dự kiến số tiền trả nợ mỗi kỳ hạn là:.....đồng; số tiền trả nợ kỳ cuối:..... đồng; trả lãi đầy đủ hàng tháng theo dư nợ thực tế phát sinh.

Nhận xét, đánh giá:.....

.....

7. Tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay vốn

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN	GIÁ TRỊ (ước tính)
...				

Nhận xét, đánh giá (tính pháp lý, giá trị TSBĐ, khả năng chuyển nhượng, khả năng quản lý tài sản).....

.....

V. KẾT LUẬN: (đánh giá chung về tình hình doanh nghiệp, tình hình tài chính của cơ sở sản xuất kinh doanh, tính khả thi của phương án vay vốn, tiềm năng sản xuất, hiệu quả kinh tế, khả năng hoàn trả nợ, số lao động là người sau cai nghiện được tạo việc làm, mục đích vay vốn, điều kiện về hồ sơ pháp lý đảm bảo tiền vay):

.....

.....

B. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHO VAY

Căn cứ phương án vay vốn và kết quả thẩm định, đề nghị:

Không phê duyệt cho vay. Lý do:.....

Phê duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

1. Số tiền đề nghị cho vay:.....đồng.

2. Thời hạn cho vay: tháng.

3. Lãi suất cho vay:%/năm.

4. Lãi suất nợ quá hạn:%/năm.

5. Trả gốc:.....tháng/lần, trả lãi hàng tháng.

6. Tiền vay sử dụng vào việc:

.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

CÁN BỘ TÍN DỤNG

(Ký, ghi rõ họ và tên)

C. KIỂM SOÁT VÀ PHÊ DUYỆT CHO VAY

TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD/

TỔ TRƯỞNG TỔ KH-NV

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT CHO VAY

Kính gửi Ông/Bà:.....

Là người đại diện cho Cơ sở sản xuất kinh doanh (Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Liên hiệp Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh):.....¹

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) thông báo phê duyệt cho vay đối với Quý khách như sau:

1. Tổng số tiền phê duyệt cho vay:

Bằng số: đồng.
(Bằng chữ:.....).

2. Mục đích sử dụng vốn vay:.....

3. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay:%/năm;

- Lãi suất nợ quá hạn:%/năm.

4. Thời hạn cho vay: tháng.

Trân trọng thông báo để Quý khách đến trụ sở Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH.....tại địa chỉ:.....vào ngày....tháng....năm....để ký Hợp đồng tín dụng và làm các thủ tục liên quan theo quy định.

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin liên hệ với Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH.....tại địa chỉ:..... hoặc Ông/Bà số điện thoại:.....

Trân trọng thông báo!

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi rõ tên cơ sở sản xuất kinh doanh.

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO TỪ CHỐI CHO VAY

Kính gửi Ông/Bà:.....

Là người đại diện cho Cơ sở sản xuất kinh doanh (Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Liên hiệp Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh):.....¹

Ngày tháng năm....., Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) nhận được hồ sơ vay vốn của Quý khách gửi đến.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu, Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH.....thông báo từ chối cho vay đối với Quý khách vì những lý do như sau:

1.
2.
3.

Trường hợp Quý khách có nhu cầu nhận lại hồ sơ đã nộp vào Ngân hàng, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH ký thông báo này, đề nghị Quý khách đến Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH để nhận lại hồ sơ. Nếu quá 05 ngày làm việc Quý khách không đến nhận lại hồ sơ, Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ thực hiện hủy hồ sơ vay vốn theo quy định./.

Trân trọng thông báo!

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi rõ tên cơ sở sản xuất kinh doanh.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG¹

Số:/20.../SCN

Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015 và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-TTg ngày 03 tháng 03 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ văn bản số 3768/NHCS-TDSV ngày 28/8/2018 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn thực hiện bảo đảm tiền vay trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội và các văn bản khác có liên quan;

Căn cứ văn bản số/NHCS-TDSV ngày .../.../2026 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ hồ sơ vay vốn của Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Liên hiệp Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh (gọi chung là cơ sở sản xuất kinh doanh):..... do Ông/Bà..... là đại diện gửi đến ngày.... tháng.... năm....⁽²⁾

Hôm nay, ngày tháng năm, tại trụ sở Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội, chúng tôi gồm:

I. Bên cho vay

- Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:

- Người đại diện: Chức vụ:

Giấy ủy quyền (nếu có):.....

II. Bên vay

- Tên cơ sở sản xuất kinh doanh:

- Họ và tên người đại diện: Chức vụ:

Căn cước/Căn cước công dân số:

¹ Hợp đồng được đánh máy, in, đóng dấu giáp lai giữa các trang và Trường Phòng KH-NV/Tổ trưởng Tổ KH-NV ký nháy từng trang. Mẫu hợp đồng dùng chung, Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay có thể lược bỏ các nội dung không liên quan khi thỏa thuận với khách hàng vay vốn.

² Ghi ngày khách hàng lập Phương án vay vốn Mẫu số 01/SCN.



Ngày cấp:Nơi cấp:Có thời hạn đến:

- Quyết định bổ nhiệm số: Ngày: Do:quyết định.

Hoặc Giấy ủy quyền: số.....ngày:/...../.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:

Email:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh số:.....Cơ quan cấp:

Đăng ký lần đầu ngàytháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:ngày.....tháng.....năm.....

- Mã số thuế.....

- Tài khoản thanh toán số:..... tại Ngân hàng

- Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có:

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng tín dụng với các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Bằng Hợp đồng tín dụng này, Bên cho vay thống nhất cho Bên vay vay vốn để thực hiện phương án vay vốn³:....., địa điểm thực hiện phương án vay vốn:.....

Điều 2. Nội dung cho vay

1. Số tiền cho vay bằng số: đồng.

(Bằng chữ.....)

2. Thời hạn cho vay: tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền giải ngân.

3. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay:%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Lãi tiền vay được tính kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay đến ngày trả hết nợ gốc. Tiền lãi được Bên cho vay thu hàng tháng bắt đầu ngay sau tháng bên vay nhận tiền vay. Tiền lãi được tính trên số dư nợ thực tế.

Tiền lãi tháng nếu chưa thu được thì chuyển sang thu vào tháng kế tiếp sau đó.

5. Kỳ hạn trả nợ gốc:

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

³ Tên phương án vay vốn.

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

.....

6. Thu nợ gốc, thu lãi

- Bên vay chủ động chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản thanh toán đã mở tại Bên cho vay. Bên cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của Bên vay để thu nợ gốc và lãi của khoản vay.

- Bên vay có thể trả nợ gốc trước hạn. Nếu Bên vay trả nợ gốc trước hạn:

+ Trường hợp Bên vay nộp tiền vào tài khoản thanh toán mở tại Bên cho vay: Trên Giấy nộp tiền vào tài khoản, Bên vay ghi rõ nội dung sau: “Nộp tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay trước hạn cho Hợp đồng tín dụng số ...”. Bên cho vay căn cứ theo đề nghị của Bên vay tiến hành thu nợ theo quy định.

+ Trường hợp Bên vay chuyển khoản vào tài khoản thanh toán mở tại Bên cho vay: Bên vay ghi rõ nội dung chuyển khoản: “Nộp tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay trước hạn cho Hợp đồng tín dụng số ...” và thông báo cho Bên cho vay thực hiện thu nợ theo quy định.

- Thứ tự thu nợ gốc, lãi của khoản vay thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 3. Giải ngân tiền vay

Bên cho vay giải ngân cho Bên vay bằng hình thức chi tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán theo đề nghị của Bên vay⁴:

- Tên chủ tài khoản thụ hưởng:.....

- Số tài khoản:.....

- Mở tại:.....

Điều 4. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ⁵

Nếu Bên vay chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng này thì trước 05 ngày đến hạn trả nợ, bên vay gửi Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ đến Bên cho vay để Bên cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.

Việc điều chỉnh thời hạn cho 01 kỳ hạn trả nợ có thể được thực hiện một hoặc nhiều lần, nhưng thời hạn điều chỉnh tối đa không vượt quá thời hạn của 01 kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng này.

2. Gia hạn nợ

⁴ Trường hợp Bên vay có nhu cầu giải ngân vào nhiều tài khoản thụ hưởng khác nhau, thì liệt kê đầy đủ các tài khoản thụ hưởng đó trong Hợp đồng này.

⁵ Áp dụng với khoản vay có thời hạn trên 12 tháng.

Trước ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, tối đa 03 tháng và tối thiểu 05 ngày làm việc, Bên vay không có khả năng trả được nợ và có nhu cầu gia hạn nợ, Bên vay phải lập Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ theo quy định của Bên cho vay.

3. Chuyển nợ quá hạn

- Bên cho vay thực hiện chuyển nợ quá hạn trong những trường hợp sau:

+ Đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà Bên vay chưa trả được nợ, không được Bên cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì Bên cho vay chuyển số dư nợ đó sang quá hạn;

+ Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà Bên vay chưa trả được nợ, không được Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ thì Bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang quá hạn;

+ Bên vay sử dụng vốn vay sai mục đích theo ghi nhận tại Biên bản kiểm tra, Bên cho vay đơn đốc thu hồi số nợ sai mục đích trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập Biên bản kiểm tra. Nếu Bên vay chưa trả hết số nợ sử dụng sai mục đích trong khoảng thời gian trên thì Bên cho vay chuyển số nợ sai mục đích còn lại chưa trả được sang nợ quá hạn.

- Khi chuyển nợ quá hạn, Bên cho vay gửi Thông báo chuyển nợ quá hạn cho Bên vay, đồng thời phối hợp với các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương tìm biện pháp tích cực thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay vốn (nếu có)

1. Tài sản bảo đảm làdo.....cấp.

Địa chỉ.....

Giấy tờ pháp lý về tài sản:.....

2. Tổng giá trị tài sản bảo đảm là.....đồng để bảo đảm cho nghĩa vụ của món vay được quy định tại Hợp đồng tín dụng này.

3. Chi tiết về tài sản bảo đảm được quy định chi tiết tại Hợp đồng bảo đảm tiền vay được giao kết giữa Bên cho vay và Bên bảo đảm.

4. Bên vay được quyền rút toàn bộ giấy tờ về tài sản bảo đảm sau khi đã trả hết nợ gốc và lãi.

5. Bên cho vay được quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi vốn trong trường hợp Bên vay vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và không thể khắc phục được.

6. Bên cho vay thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm đột xuất hoặc định kỳ.

7. Bên vay không dùng tài sản nêu tại Khoản 1 Điều này để đảm bảo cho các nghĩa vụ của mình tại tổ chức tín dụng khác; không được chuyển nhượng tài sản

này khi chưa được sự đồng ý của Bên cho vay hoặc chưa trả hết nợ gốc và lãi cho Bên cho vay.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên cho vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoán thuận;
2. Yêu cầu Bên vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;
3. Yêu cầu Bên vay cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết liên quan đến món vay;
4. Kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay, tình hình hoạt động kinh doanh, tài sản bảo đảm (nếu có), khả năng trả nợ của Bên vay;
5. Thu giữ tài sản bảo đảm và xử lý tài sản theo hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có) để thu hồi nợ và/hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật;
6. Từ chối các yêu cầu của Bên vay không đúng với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng này.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoán thuận;
2. Được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;
3. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;
4. Sử dụng vốn vay đúng mục đích; báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay theo Hợp đồng này;
5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay về sử dụng vốn vay và trả nợ, tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có), tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh;
6. Phải thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi về trụ sở làm việc, người đại diện vay vốn, số điện thoại liên lạc và những thay đổi khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay;
7. Bàn giao tài sản và phối hợp với Bên cho vay để xử lý tài sản bảo đảm khi có căn cứ xử lý theo Hợp đồng này, hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có) và quy định của pháp luật.

Điều 8. Xử lý vi phạm

1. Bên vay vi phạm quy định của pháp luật, có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được ghi nhận tại Biên bản kiểm tra thì Bên cho vay xem xét chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và thông báo cho Bên vay.



2. Trường hợp Bên vay cố tình không hoàn trả vốn vay, Bên cho vay báo cáo và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Bên cho vay xử lý tài sản bảo đảm (nếu có) hoặc khởi kiện ra cơ quan pháp luật trong các trường hợp sau:

a) Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản (nếu có), đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản;

b) Bên vay có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ cho Bên cho vay;

c) Bên vay cố tình chây ì, trốn tránh trách nhiệm trả nợ theo thỏa thuận;

d) Bên vay có hành vi lừa đảo, gian lận;

đ) Bên vay có vi phạm liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp xảy ra giữa hai bên được ưu tiên giải quyết bằng thương lượng. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được gửi đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, giải quyết.

Điều 10. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các Điều, khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không thương lượng được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện theo quy định pháp luật.

3. Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và các văn bản bổ sung hợp đồng (nếu có) là một bộ phận thống nhất không thể tách rời nhau, các Bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

4. Khi Bên vay trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo Hợp đồng này, thì Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

Điều 11. Hiệu lực của Hợp đồng tín dụng

Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có).

Hợp đồng tín dụng này bao gồm.....trang, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

(kèm theo Hợp đồng tín dụng số:/20..../SCN ngày .../.../.....)

1. Phần theo dõi cho vay

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Số tiền giải ngân	Lãi suất %/ năm	Hạn trả nợ cuối cùng	Dư nợ trong hạn	Chữ ký	
					Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7

2. Phần theo dõi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ

Đơn vị: đồng

Ngày, tháng, năm	Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ		Gia hạn nợ		Chữ ký	
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7

3. Phần theo dõi nợ quá hạn, nợ bị rủi ro

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn/khoanh nợ/xoá nợ	Dư nợ quá hạn/khoanh nợ/xoá nợ	Chữ ký	
				Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6

Ug



BIÊN BẢN KIỂM TRA

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số

Căn cứ Hợp đồng bảo đảm tiền vay số

Hôm nay, ngày...../...../....., tại chúng tôi gồm:

I. Bên vay vốn:

- Tên cơ sở sản xuất kinh doanh vay vốn:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại liên hệ:.....

- Họ và tên người đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền vay vốn là

Ông (bà)..... Chức vụ.....

- Căn cước/căn cước công dân số:.....

Ngày cấp:...../...../..... nơi cấp:..... Có thời hạn đến:.....

II. Đại diện Chi nhánh NHCSXH (tỉnh/thành phố)/Phòng giao dịch NHCSXH.....

- Ông (bà)..... Chức vụ:.....

- Ông (bà)..... Chức vụ:.....

Nội dung kiểm tra:

1. Về tình hình thực hiện Hợp đồng tín dụng tính đến ngày kiểm tra

- Tổng số tiền phê duyệt cho vay theo Hợp đồng tín dụng: đồng.

- Tổng số tiền đã giải ngân: đồng.

- Tổng số nợ gốc đã trả: đồng.

- Dư nợ vay: đồng.

- Tổng số Lãi đã trả đến ngày kiểm tra:.....đồng.

2. Về mục đích sử dụng tiền vay

.....

.....

3. Về tình hình thực hiện phương án vay vốn và khả năng trả nợ

a) Tình hình thực hiện phương án vay vốn

.....

.....

b) Khả năng trả nợ

.....

 c) Tình hình sử dụng lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh

- Tổng số lao động:..... người

Trong đó số người lao động là người sau cai nghiện ma túy:..... người
 chiếm tỷ lệ:....% Tổng số lao động.

4. Về tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay vốn (nếu có).....

STT	Tên tài sản bảo đảm	Số lượng (nếu có)	Hiện trạng tài sản bảo đảm	Ghi chú

Đánh giá việc tuân thủ các quy định trong việc bảo quản, sử dụng tài sản
 bảo đảm (nếu có).....

5. Ý kiến kết luận của cán bộ kiểm tra

.....

6. Ý kiến của cơ sở sản xuất kinh doanh:

.....

KHÁCH HÀNG VAY VỐN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

CÁN BỘ KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ

Kính gửi: Chi nhánh /Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....

Tên cơ sở sản xuất kinh doanh:.....

Địa chỉ trụ sở chính :.....; Điện thoại liên hệ:.....

Họ và tên người đại diện hoặc Người được ủy quyền vay vốn:

(Ông/Bà):.....Chức vụ.....

Căn cước/căn cước công dân số:.....

Ngày cấp.....nơi cấp.....Có thời hạn đến:.....

Đã vay vốn tại Chi nhánh /Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....

Số tiền: (Bằng chữ:.....)

Theo Hợp đồng tín dụng số.....ngày...../...../.....

Số tiền đến kỳ hạn trả nợ gốc kể từ ngày/...../..... làđồng.

Số tiền nợ gốc chưa trả được làđồng.

Vì lý do:.....

Đề nghị Chi nhánh /Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội..... cho phép cơ sở sản xuất kinh doanh được kéo dài thời hạn trả khoản nợ gốc trên đến ngày..... thángnăm.....

Chúng tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày.....tháng....năm.....

Khách hàng vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần này là.....đồng.

- Thời gian trả nợ được điều chỉnh đến ngày/...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

**CÁN BỘ
TÍN DỤNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD
(TỔ TRƯỞNG TỔ KH-NV)**
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH (SXKD)

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Điện thoại: Fax:

4. Họ và tên người đại diện vay vốn:..... Chức vụ:.....

5. Căn cước/ Căn cước công dân:.....

Ngày cấp:..... nơi cấp:..... Có thời hạn đến.....

6. Nơi thực hiện phương án vay vốn:.....

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀ NGƯỜI SAU CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI CƠ SỞ SXKD

STT	Họ và tên người lao động	Số Hợp đồng LĐ (Nếu có)	Ngày ký HĐLĐ (Nếu có)	Loại HĐLĐ (Nếu có)
1				
2				
3				
...				

Tổng số lao động hiện có tại cơ sở SXKD: người, trong đó có: ... người lao động là người sau cai nghiện ma túy (cụ thể danh sách trên) chiếm tỷ lệ:....% tổng số lao động.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin kê khai ở trên.

....., ngày....tháng....năm....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO
CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

Kính gửi:¹

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số ngày tháng năm
giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
..... với cơ sở sản xuất kinh doanh

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
..... thông báo:

- Số nợ gốc đã chuyển nợ quá hạn:đồng
(*Bằng chữ:*
- Ngày chuyển nợ quá hạn:/...../.....
- Lãi suất nợ quá hạn:%/năm.
- Lý do chuyển nợ quá hạn:

Yêu cầu khách hàng trả số tiền nợ quá hạn nêu trên cho Chi nhánh/Phòng
giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....

Trường hợp khách hàng trả nợ bằng chuyển khoản, đề nghị khách hàng
chuyển về:

- Đơn vị thụ hưởng (*tên tài khoản Bên cho vay*):
- Số tài khoản:.....
- Mở tại:.....
- Nội dung: trả nợ gốc quá hạn, lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng
số ngày.....tháng năm 20....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
yêu cầu khách hàng thực hiện trả nợ./.

GIÁM ĐỐC
(*Ký tên, đóng dấu*)

¹ Tên Cơ sở sản xuất kinh doanh. Thông báo được đánh máy, in

